

Tân Thanh, ngày 09 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp thứ nhất Hội đồng trường năm học 2024-2025

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG MẦM NON 7/5

Căn cứ Điều lệ trường Mầm non, ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Trường mầm non 7/5 nhiệm kì 2020 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2146/SGDĐT-GDMN ngày 10/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2024, thành phố Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-PGDĐT ngày 20/04/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ về việc giao chỉ tiêu và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024;

Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về Nghị quyết quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

Công văn số 2188/SGDĐT-KHTC, ngày 13/8/2024 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên;

Công văn số 2204/SGDĐT-KHTC, ngày 15/8/2024 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2024 – 2025;

Công văn số 2467/UBND - GDĐT, ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2024 – 2025;

Công văn số 1267/PGDĐT, ngày 30/8/2024 của phòng GD&ĐT, về việc thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2024 – 2025;

Căn cứ biên bản phiên họp thứ nhất Hội đồng trường Mầm non 7/5 năm học 2024 - 2025 diễn ra ngày 22 tháng 8 năm 2024.

Hội đồng trường Mầm non 7/5 thông qua các chỉ tiêu nhiệm vụ theo các chương trình, Kế hoạch, Quy chế và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:

Điều I. Nhất trí thông qua các chỉ tiêu nhiệm vụ năm học

1. Về công tác tư tưởng chính trị:

- 100% cán bộ - viên chức chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế của ngành, của nhà trường. Quy ước nơi cư trú. Nêu cao ý thức xây dựng, giữ gìn tình đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong công tác, cộng đồng trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao năm học 2024 – 2025 với Chủ đề năm học: *"Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo"*

- 100% cán bộ - viên chức tiếp tục tham gia và hưởng ứng nhiệt tình các phong trào thi đua của các cấp phát động. Tích cực thực hiện các cuộc vận động đặc biệt là tiếp tục đẩy mạnh việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo các chuyên đề năm;

- 100% cán bộ - viên chức phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua.

- 100% cán bộ - viên chức tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng quy chế công khai dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ; Chương trình giáo dục nhà trường (quy chế, kế hoạch chi tiết kèm theo)

- 100% cán bộ - viên chức tiếp tục thực hiện nghiêm túc, đúng tác phong. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, thi BKBN, giao lưu Bé với ngày hội văn hóa dân tộc cụm trường. Nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục, chăm sóc học sinh.

2. Công tác chuyên môn và công tác thi đua

2.1. Công tác thi đua:

Cờ thi đua của UBND tỉnh

Tập thể LĐTT; Tập thể lao động xuất sắc;

Lao động tiên tiến: 40/40

Chiến sỹ thi đua: 10/40 Đ/c đạt 25%;

UBND thành phố tặng giấy khen: 09/40 đạt 22,5%;

2.2. Chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp (số trẻ, số nhóm lớp, số lớp)

Số trẻ trong độ tuổi trên địa bàn trường quản lý: 534;
 Tỷ lệ huy động trẻ trên địa bàn quản lý: 438, Tỷ lệ huy động ra lớp: 82%;
 Tỷ lệ huy động trẻ 03 – 36 tháng trên địa bàn $92/176 = 52,27\%$;
 Huy động trẻ 3 - 5 tuổi địa bàn ra lớp 358/358 đạt 100%;
 Huy động trẻ 5 tuổi địa bàn ra lớp 137/137 đạt 100%;
 Kế hoạch giao: 460; nhà trẻ 65; MG 395; 17 nhóm lớp; Phần đầu đạt và vượt kế hoạch giao;

2.3. Chất lượng đội ngũ

* Xếp loại chuyên môn

Duy trì số lượng giáo viên dạy giỏi các cấp: $34/34 = 100\%$;

* Triển khai thực hiện chuyên môn, chuyên đề:

Tiếp tục triển khai thực hiện chất lượng Chương trình GDMN và phát triển Chương trình nhà trường. Tiếp tục triển khai các giải pháp, phát huy tính chủ động, phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường và của địa phương nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em theo Chương trình GDMN, chú trọng tổ chức thực hiện các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua hoạt động chơi là chủ đạo; bảo đảm điều kiện môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày để giúp trẻ phát triển toàn diện; lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ em.

Chuẩn bị triển khai thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện, nguồn lực và năng lực đội ngũ cho việc thí điểm Chương trình GDMN mới khi có yêu cầu.

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non vùng dân tộc thiểu số phù hợp thực tế nhà trường; tập trung Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ dưới nhiều hình thức về tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; thực hiện đầy đủ chính sách đối với trẻ em và giáo viên trực tiếp dạy trẻ người dân tộc thiểu số theo quy định; nâng chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp một. Tiếp tục triển khai mô hình “*Thư viện thân thiện cho bé*” xây dựng thư viện thân thiện phù hợp để trình thẩm định công nhận đạt chuẩn theo quy định.

Tiếp tục xây dựng trường học hạnh phúc. Tổng kết, đánh giá triển khai Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, giai đoạn 2021-

2025 bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện nhà trường. Đánh giá kết quả đạt được, những ưu điểm, hạn chế, khó khăn và có những giải pháp triển khai sau đánh giá, tổng kết và tiếp tục thực hiện tốt Chuyên đề; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về kết quả ưu điểm thực hiện chuyên đề.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về giáo dục hoà nhập; truyền thông nâng cao nhận thức của phụ huynh và cộng đồng về giáo dục hoà nhập đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội trẻ được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại nhà trường. Đảm bảo quyền lợi cho trẻ em và giáo viên theo quy định của pháp luật (nếu có).

Tăng cường lồng ghép, tích hợp bảo đảm chất lượng, hiệu quả các nội dung giáo dục Quyền trẻ em, giáo dục giới, an toàn giao thông, kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; tích hợp nội dung bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc...vào quá trình thực hiện Chương trình GDMN.

Tiếp tục tổ chức chất lượng, hiệu quả giáo dục Quyền con người trong triển khai Chương trình cho trẻ mẫu giáo. Tuyên truyền và tổng kết thực hiện nhiệm vụ Đề án “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục nhà trường”.

Tiếp tục đẩy mạnh việc lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục an toàn giao thông: Tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội để bảo đảm an toàn giao thông cho trẻ em, phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các phương tiện đưa đón trẻ, bảo đảm tuyệt đối an toàn cho trẻ em khi tham gia giao thông;

Thực hiện hiệu quả việc khai thác, sử dụng các nguồn tài liệu, phim hoạt hình, truyện tranh “Vui giao thông” của Chương trình giai đoạn 2020-2024 trong giáo dục ATGT cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi tại các cơ sở GDMN. Tập huấn nâng cao ý thức trách nhiệm, kiến thức, kỹ năng và công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục ATGT cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi đối với CBQL, GV mầm non. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong thực hiện Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; Duy trì và nâng cao chất lượng việc tổ chức thực hành trải nghiệm của trẻ tại khu chơi giao thông ngoài trời.

Giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; triển khai hướng dẫn, thực hiện áp dụng Bộ tiêu chí trường mầm non giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ

năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; xây dựng mô hình “Trường mầm non xanh, thích ứng biến đổi khí hậu hướng đến bảo vệ môi trường bền vững trong nhà trường” gắn với thực hiện Chiến lược Quốc gia tăng trường xanh theo Kế hoạch của Bộ GDĐT.

Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với chương trình lớp Một. Tăng cường các giải pháp thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với chương trình lớp một. Đảm bảo trẻ được nuôi dưỡng, chăm sóc theo Chương trình GDMN; tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp một. Làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với gia đình của trẻ, cộng đồng trong thực hiện chương trình.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Sở GD&ĐT đã ban hành. Thực hiện xã hội hoá theo tinh thần tự nguyện nhằm triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh. Đẩy mạnh tạo môi trường giao tiếp ngôn ngữ tiếng Anh thông qua bài hát, nghe kể truyện, đọc thơ, hoạt động thực hành, trải nghiệm.

Triển khai thực hiện mô hình chuyển đổi số. Thực hiện có hiệu quả việc tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường, đặc biệt là trong công tác quản trị, quản lý hoạt động giáo dục và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Phát triển học liệu số phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; nâng cao chất lượng các kho học liệu số gồm bài giảng, phần mềm mô phỏng, trò chơi, học liệu mở để chia sẻ dùng chung toàn trường; lựa chọn các sản phẩm có chất lượng về các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để chia sẻ dùng chung qua các nền tảng Zoom, Zalo nhóm, các nền tảng số.

2.4. Xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức

* *Đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;*

Tốt: $3/3 = 100\%$; nữ $3/3$ đạt 100% ;

* *Đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên:*

Tốt: $32/34 = 94,1\%$; nữ đạt 100%

Khá: $02/34 = 5,9\%$; nữ đạt 100%

* *Đánh giá xếp loại viên chức theo Nghị định 90/2020, 48/2023/NĐ-CP*

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: $09/40 = 22,5\%$; nữ đạt 100%

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: $31/40 = 77,5\%$; nữ đạt $96,7\%$

2.5. Chất lượng chăm sóc, giáo dục

- 100% trẻ được cân đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng.
- 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm học;
- 100% trẻ được rửa tay bằng xà phòng, nước ấm về mùa đông;
- 100% trẻ được uống nước lọc tinh khiết, súc miệng nước muối sau khi ăn;
- 100% trẻ được chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn;
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng so với đầu năm học;
- + Trẻ phát triển bình thường: đạt: 97,5%;
- + Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 2,1 %;
- + Trẻ thấp còi dưới 2,5%;
- + Trẻ thừa cân, béo phì: chiếm 1,0%;
- + BMI: Bình thường: 98,2%; SDDTGCMĐ nhẹ cân: 0; Thừa cân nguy cơ chiếm 1,7%;
- + Bé chăm: 96,8%;
- + Bé ngoan: 100%;
- + Bé sạch: 100%;
- + Bé khỏe - bé ngoan: đạt: 86,1%;
- + Trẻ tham gia giao lưu “Bé với ngày hội văn hóa các dân tộc” theo cụm trường;
- + Thực hiện chương trình làm quen tiếng Anh khối mẫu giáo;
- + 100% số trẻ được đánh giá theo đúng quy định của chương trình giáo dục; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình.
- Chất lượng trẻ đạt mục tiêu phát triển của từng độ tuổi: 98,8%

2.6. Xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học

Hỗ trợ thay thế một số tranh pano, appic tuyên truyền (Đã cũ, rách); in mới phong khai giảng. Trang trí Hội trường, trang trí khu, phòng thư viện.

Sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất: Sơn tường rêu mốc ngoài lớp học; Sửa khu vui chơi PTVĐ, sửa đồ chơi ngoài trời, nền sân khấu Hội trường, cửa phòng Phó Hiệu trưởng;)

Mua bổ sung cây cảnh, nâng cấp bồn hoa tạo cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn.

100% số nhóm lớp có đủ đồ dùng dạy học tối thiểu

100% nhóm lớp có đồ dùng, học liệu đảm bảo an toàn, thân thiện

Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục nhà trường;

Cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, ủng hộ trong các hoạt động của nhà trường; 100% các bậc phụ huynh tạo điều kiện và phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục trẻ. Huy động nguồn kinh phí đạt 200.000.000đ

2.7. Thống nhất thông qua phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV

a). Viên chức quản lý

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Phân công nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Phúc	03/02/1971	Đại học	GDMN	Phụ trách chung; Bàn trả; dạy 2 giờ/tuần	
2	Nguyễn Thị Huyền	26/10/1969	Đại học	GDMN	Chuyên môn; KTNB; TKPC đp; LĐ, CSVC; dạy 4 giờ/tuần	
3	Nguyễn Thị Lý	21/05/1976	Đại học	GDMN	Chuyên môn; CD; BDTX; phòng tra; CNTT; dạy 4 giờ/tuần	

b). Giáo viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Phân công nhiệm vụ	Ghi chú
1	Lê Thị Thơ	01/05/1976	Đại học	GDMN	GV lớp MGL 2	Tổ trưởng
2	Lê Thị Thanh Huyền	05/04/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MGL 2	
3	Nguyễn Thị Văn Anh	01/10/1980	Đại học	GDMN	GV lớp MGL 1	Chủ nhiệm
4	Nguyễn Thị Lôi	03/06/1988	Đại học	GDMN	GV lớp MGL 1	
5	Trịnh Thị Thủy (81)	24/08/1981	Đại học	GDMN	GV lớp MGL 3	Chủ nhiệm
6	Trịnh Thị Tuyết	11/02/1972	Đại học	GDMN	GV lớp MGL 3	Tổ phó
7	Lê Mỹ Hằng	20/12/1985	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 1	Chủ nhiệm
8	Đỗ Thị Bích Hường	11/02/1971	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 1	
9	Phạm Thị Nhài	15/09/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 2	Chủ nhiệm
10	Trịnh Thị Như Quỳnh	20/08/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 2	
11	Phạm Thị Kiều	13/08/1983	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 3	Chủ nhiệm
12	Nguyễn Thị Bích	05/02/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 3	
13	Khúc Thị Hường	12/02/1979	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 4	Chủ nhiệm
14	Nguyễn Thị Thanh Yến	12/07/1985	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 4	
15	Nguyễn Thị Hoài	03/10/1980	Đại học	GDMN	GV lớp MGB 1	Tổ trưởng
16	Nguyễn Thị Huyền	01/07/1985	Đại học	GDMN	GV lớp MGB 1	
17	Nguyễn Thị Tâm	18/08/1974	Đại học	GDMN	GV lớp MGB 2	Chủ nhiệm
18	Nguyễn Thị Hường	15/10/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MGB 3	
19	Ngô Thị Mai	18/09/1983	Đại học	GDMN	GV lớp MGB 3	Tổ phó
20	Nguyễn Thị Thu Hường	02/02/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MGB 2	
21	Đỗ Thị Thu Hiền	25/07/1974	Đại học	GDMN	GV lớp nhà trẻ 1	Chủ nhiệm
22	Đàm Thị Hạnh	04/11/1996	Đại học	GDMN	GV lớp nhà trẻ 1	
23	Lê Thị Thanh Loan	23/07/1987	Đại học	GDMN	GV lớp nhà trẻ 2	Chủ nhiệm
24	Lương Thị Hà Quỳnh	17/04/1984	Đại học	GDMN	GV lớp nhà trẻ 2	
25	Lê Thị Thúy	22/12/1983	Đại học	GDMN	GV lớp MGL4	Tổ trưởng
26	Phạm Thị Bình	01/07/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MGL 4	
27	Hà Lan Anh	20/10/1981	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 5	Tổ phó
28	Trần Thị Quý	19/10/1983	Đại học	GDMN	GV lớp MGN 5	
29	Nguyễn Hồng Tuyền	20/09/1988	Đại học	GDMN	GV lớp MGB 4	Chủ nhiệm
30	Nguyễn Thị Thủy	13/06/1973	Cao đẳng	GDMN	GV lớp MGB 4	
31	Phạm Thị Hải Yến	10/08/1988	Đại học	GDMN	GV lớp MGB 5	Chủ nhiệm
32	Vũ Thị Hiền	20/10/1968	Cao đẳng	GDMN	GV lớp MGB 5	

33	Nguyễn Hồng Thủy	26/06/1984	Đại học	GDVN	GV lớp nhà trẻ 3	Chú nhiệm
34	Trịnh Thị Thủy (85)	20/01/1985	Đại học	GDVN	GV lớp nhà trẻ 3	

c). Nhân viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Công việc hiện nay
1	Chèo Y Mây	28/11/1971	Trung cấp	Y đa khoa	Nhân viên Y tế
2	Cà Thị Quỳnh Thanh	02/10/1984	Cao học	TCKT	Nhân viên Kế toán
3	Trần Mạnh Hương	10/06/1968	BD	ANTT	Nhân viên Bảo vệ
4	Lương Thị Lã	08/10/1961	BD	CCN	Nhân viên nấu ăn
5	Mai Hải Yến	27/5/1981	BD	CCN	Nhân viên nấu ăn
6	Cà Thị Tâm	19/12/1992	BD	CCN	Nhân viên nấu ăn
7	Lò Thị Mai	13/12/1994	BD	CCN	Nhân viên nấu ăn

2.8. Chỉ tiêu các công tác khác

Duy trì 100% gia đình văn hóa; trường học văn hóa.

100% CBGV, NV thực hiện nghiêm túc quy định

Tuyên truyền các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chủ trương của Bộ Giáo dục về đổi mới và phát triển giáo dục Mầm non trên phương tiện thông tin đại chúng; Thực hiện các hoạt động hưởng ứng chào mừng các ngày lễ lớn; các nội dung đặc thù của cấp học, đảm bảo xuyên suốt trong năm học phù hợp điều kiện thực tế, thời gian.

100% CBQL thực hiện tốt công tác quản trị nhà trường;

01 GV bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh;

100% giáo viên giảng dạy theo đúng trình độ đào tạo, năng lực sở trường;

100% CBGV, NV được hưởng chính sách; 100% học sinh trong diện được thụ hưởng chế độ chính sách theo đúng quy định hiện hành;

100% VCQL trong diện kê khai tài sản thu nhập cá nhân phải kê khai theo đúng quy định.

1 lần/năm học thực hiện quy hoạch bổ sung các chức danh theo quy định.

Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch; đánh giá ngoài công nhận lại.

3. Nhất trí thông qua các Quy chế (sửa đổi, bổ sung) và hoạt động của nhà trường, Chương trình giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ, kế hoạch vận động tài trợ và các khoản thu dịch vụ bán trú.

3.1. Quy chế hoạt động, Quy chế dân chủ, Quy chế quản lý bán trú, Quy tắc ứng xử (bổ sung, sửa đổi): Quy chế kèm theo

3.2. Chương trình giáo dục nhà trường; Kế hoạch kiểm tra nội bộ: (Chương trình, Kế hoạch kèm theo)

3.3. Các khoản thu dịch vụ bán trú và Kế hoạch vận động tài trợ

(1) Dịch vụ ăn bán trú

a). Tiền ăn: 28.000đ /ngày/học sinh

Cân đối ăn hàng ngày theo khẩu phần ăn cho học sinh (Cả ngày: Nhà trẻ 2 bữa chính, 2 bữa phụ; Mẫu giáo 1 bữa chính, 2 bữa phụ)

b). Tiền lương nhân viên nấu ăn, phục vụ: 9.000đ/ngày/học sinh

Chi lương nhân viên nấu ăn (do nhà trường hợp đồng mà không hưởng lương từ ngân sách nhà nước).

Chi trả công phục vụ trẻ ăn sáng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

c). Đồ dùng, vật tư phục vụ cho công tác bán trú: 2.000 đ/ngày/học sinh

Mua bổ sung đồ dùng dụng cụ và 1 số trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của trẻ ăn bán trú tại trường. Trả tiền điện, nước cho hoạt động nấu ăn.

d). Dịch vụ trông trưa: 5.000đ/ngày/học sinh

Chi trả công trông trưa cho cán bộ giáo viên, nhân viên thực hiện công tác bán trú.

đ). Dịch vụ dọn vệ sinh: 90.000/năm/học sinh

Chi phí thực tế của Dịch vụ dọn vệ sinh gồm toàn bộ các chi phí tạo nên Dịch vụ dọn vệ sinh.

(2). Các khoản vận động, tài trợ (Trên tinh thần tự nguyện của các tổ chức, cá nhân)

a). Hoạt động phong trào, Hội thi của học sinh: 92.490.000đ

- Chi hỗ trợ cho các hoạt động tổ chức các ngày lễ lớn trong năm học như: Khai giảng, sơ kết, tổng kết năm học.

- Chi tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thăm quan

- Chi tổ chức hội thi Bé khỏe - Bé ngoan cấp trường: Bằng giải, thưởng học sinh.

- Tham gia giao lưu “Bé với ngày hội văn hóa dân tộc” cụm trường.

- Chi mua sắm hàng hóa trang trí phục vụ hoạt động trải nghiệm của trẻ

- Khen thưởng học sinh, giấy khen cuối năm

b). Cải tạo môi trường, cảnh quan: 51.238.000đ

- Hỗ trợ thay thế một số tranh pano, appic tuyên truyền (Đã cũ, rách); in mới phong khai giảng. Trang trí Hội trường, trang trí khu, phòng thư viện.

- Sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất: Sơn tường rêu mốc ngoài lớp học; Sửa khu vui chơi PTVĐ, sửa đồ chơi ngoài trời, nền sân khấu Hội trường, cửa phòng Phó Hiệu trưởng;)

4. Công tác đoàn thể, phong trào

4.1. Công đoàn

Tiếp tục thực hiện các Chương trình, kế hoạch công đoàn đi vào hoạt động có hiệu quả;

Phối hợp với chính quyền trong các hoạt động phong trào của nhà trường

Xây dựng chương trình hành động và cụ thể hóa kế hoạch công tác cho từng tuần, tháng

Tập chung cùng cố khối đoàn kết nội bộ, tăng cường trật tự kỷ cương trách nhiệm trong trường học

Tham gia các loại quỹ ngành và nhà trường phát động, thăm hỏi ốm đau, hoạn nạn kịp thời

4.2. Công tác tài chính

Thực hiện nghiêm túc công tác tài chính; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho CBGV, NV và học sinh; công khai minh bạch tài chính.

4.3. Hoạt động xã hội

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với ban đại diện cha mẹ học sinh, các đoàn thể, phổ biến trong công tác tuyên truyền vận động trẻ ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần

Thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về phát triển GDMN trên địa bàn;

Duy trì các hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh, công khai dân chủ, phối hợp thực hiện có hiệu quả

Phối hợp tham gia các hoạt động của địa phương

Điều II. Trách nhiệm của Nhà trường - Công đoàn và Viên chức.

1. Trách nhiệm của Viên chức quản lý

Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể cho từng tổ CM; kiểm tra các bộ phận thực hiện theo chương trình, kế hoạch và giải quyết những phát sinh mới trong quá trình tổ chức thực hiện. Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ - viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tiếp tục tổ chức, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách tiền lương, tiền thưởng, thực hiện công khai tài chính trước tập thể đơn vị, tạo điều kiện để Ban Thanh tra Nhân dân của đơn vị hoạt động theo pháp luật và bảo đảm cho Công đoàn thực hiện quyền kiểm tra theo Luật Công Đoàn hiện hành. Phối hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn, mỗi học kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ nhà trường và Nghị quyết Hội nghị Viên chức, người lao động của đơn vị và định ra kế hoạch tiếp tục thực hiện.

2. Trách nhiệm của Ban chấp hành Công đoàn

Tiếp tục phối hợp với BGH nhà trường duy trì phong trào thi đua "Hai tốt". Tổ chức các đợt thi đua theo kế hoạch, theo dõi phong trào, sơ kết tổng kết kịp thời, vận động toàn thể công đoàn viên hoàn thành tốt công tác được giao. Cùng Nhà trường quản lý các hoạt động của đơn vị theo Điều lệ Công đoàn. Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu đề ra.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động. Phát hiện và kiến nghị với Hiệu trưởng biện pháp giải quyết và thực hiện tốt nội dung nghị quyết hội nghị. Chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân thực hiện quyền giám sát, kiểm tra theo quy định của pháp luật, chăm lo cải thiện đời sống cho đội ngũ cán bộ - viên chức. Định kỳ mỗi học kỳ BCH công đoàn cùng với Hiệu trưởng kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động và phong trào thi đua, thông báo cho toàn thể cán bộ viên chức của đơn vị được biết.

3. Trách nhiệm của viên chức, người lao động

Tiếp tục xây dựng sự đoàn kết trong cơ quan, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công trên cương vị công tác của mình, góp phần xây dựng đơn vị phát triển. Chấp hành đầy đủ mọi chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường, của ngành. Có tác phong giao tiếp đúng mực, tinh thần trách nhiệm trong công tác, giữ vững kỷ cương nề nếp, đảm bảo ngày giờ công. Nâng cao tính chủ động, tinh thần tự học, tự rèn luyện, giữ gìn và bảo vệ tài sản chung. Tích cực phản ánh kịp thời tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng đúng nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn.

Điều III. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành cho đến khi có Nghị quyết Hội đồng trường năm học tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Chi bộ nhà trường (để chỉ đạo);
- HĐT, CBGV, NV (để thực hiện);
- Lưu: VT, HSHĐT.

**T/M. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



HIỆU TRƯỞNG MẦM NON HS
Nguyễn Thị Phúc